

Số: 54/2024/QĐST-HNGĐ

B, ngày 12 tháng 6 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Căn cứ vào các Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35 của luật Hòa giải, Đối thoại tại Tòa án;

- Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 131 luật hôn nhân gia đình 2014.

- Căn cứ vào biên bản hoà giải ngày 27 tháng 5 năm 2024.

Sau khi nghiên cứu yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành về thuận tình L hôn, thỏa thuận nuôi con chung và chia tài sản chung.

Người yêu cầu công nhận:

- Bà **Nguyễn Ngọc Mai L**, sinh năm: 1992

Địa chỉ: Ấp 3, xã P, huyện Đ, tỉnh Đ

Nơi ở hiện nay: tổ 15, khu phố 2, phường T, TP B, Đ

- Ông **Nguyễn Thanh T**, sinh năm: 1992

Nơi ở hiện nay: Khu dân cư 5, ấp 7, xã P, huyện Đ, tỉnh Đ

Địa chỉ: Tổ 15, khu phố 2, phường T, TP B, Đ

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông T tự nguyện kết hôn năm 2018 được UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 148 ngày 11/10/2018 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Bà L và ông T thuận tình L hôn nên được Tòa án ghi nhận.

2. Về con chung: Có 01 con chung là: cháu Nguyễn Ngọc Tuệ N, sinh ngày 21/11/2020. Thống nhất giao cháu Nhi cho bà L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

4. Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc Mai L và ông Nguyễn Thanh T thuận tình L hôn.

Về con chung: Có 01 con chung là: cháu Nguyễn Ngọc Tuệ N, sinh ngày 21/11/2020. Thống nhất giao cháu N cho bà L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông T được quyền đi lại thăm nom con không trực tiếp nuôi, không ai cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP B (2);
- THADS TP B (1);
- TAND tỉnh Đ (1);
- Đương sự (2);
- UBND nơi đăng ký kết hôn (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (1).

THẨM PHÁN

Trần Thị Cẩm